TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 04-4-2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Mưa Lớn
2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 38/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Minh H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: 219/46 đường T, phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị H xin vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2023 cũng như trong quá trình tố Võ Thị Minh H trình bày*:**

Chị và anh C tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/4/2007. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh C

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh C có 01 con chung tên Nguyễn Văn Ngọc T, sinh ngày 26/3/2007. Hiện con chung đã trưởng thành nên

không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có

Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên toà cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2023 của chị Võ Thị Minh H đối với anh Nguyễn Văn C thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh C đến để tham gia phiên tòa nhưng anh C vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh C là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Võ Thị Minh H và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2007 tại UBND Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị H không hạnh phúc nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ chị H và anh C đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh C là phù hợp.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Võ Thị Minh H và anh Nguyễn Văn C có 01con chung tên Nguyễn Văn Ngọc T, sinh ngày 26/3/2007. Hiện cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị Võ Thị Minh H khai không có nên không xem xét

giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị Võ Thị Minh H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Võ Thị Minh H phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Minh H đối với anh Nguyễn Văn C, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Minh H và anh Nguyễn Văn C được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Văn Ngọc T, sinh ngày 26/3/2007, hiện đã trưởng thành đồng thời chị H cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Minh H khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị Minh H khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Võ Thị Minh H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0036266 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND Phường 8(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm